TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-02-2019
V/v "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Chung Quốc Hội**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đấu**

2. Bà **Phạm Thị Kiếm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Toàn -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông **Hoàng Văn Thái** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 404/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thúy M**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phan Văn M1**, sinh năm 1997. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai tại phiên tòa chị Lê Thúy M trình bày: Chị M và anh M1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân chị M xin ly hôn: Chị M cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, do ông M1 rất ham chơi, thường

xuyên đi chơi đêm với bạn bè, không quan tâm chăm sóc vợ con và kinh tế gia đình, một mình chị phải lo làm kiếm tiền nuôi con, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng ngày trầm trọng hơn nên anh chị đã ly thân nhau từ tháng 06-2017.

Về con chung: Chị M xác định có 01 người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016, hiện nay đang sống với chị M.

Về tài sản chung: Chị M xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Chị Lê Thúy M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị M yêu cầu ly hôn với anh M1.

Về con chung: Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016, chị M không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15-01-2019, anh Phan Văn M1 trình bày:

Anh M1 xác nhận anh chị chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Anh M1 cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, cha mẹ hai bên có hàn gắn, nhưng nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã ly thân từ tháng 06-2017 đến nay.

Anh Phan Văn M1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Anh M1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Anh M1 thống nhất giao người con chung tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Mến xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh M1 xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lê Thúy M với anh Phan Văn M1.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh M1 tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau năm 2016, nhưng không có đăng ký kết hôn với cơ quan có thẩm quyền đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M với anh M1.

[2] Về con chung: Chị M và anh M1 xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016 do chị M nuôi dưỡng. Chị M yêu cầu được quyền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của chị M. Tại biên bản ghi lời khai của anh M1 cũng đồng ý giao con chị M nuôi dưỡng. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị M tiếp tục nuôi người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016. Chị M không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị M và anh M1 xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị M và anh M1 xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thúy M phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28; 35; 147; 266, 271; 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thúy M và anh Phan Văn M1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị M tiếp tục nuôi người con tên Lê Kỳ T, sinh ngày 04-11-2016. Chị M không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị M và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh M1 xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị M và anh M1 xác định không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Chị M đã tạm nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008033 ngày 22-10-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí, chị M không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THADS huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Chung Quốc Hội